TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út

2. Ông Trần Văn Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Mỹ Á – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D

Địa chỉ: Ấp Tân Long B, xã Tân B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang – Có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T

Địa chỉ: Ấp Xáng M, thị trấn Rạch G, Huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Trần Minh T chung sống với nhau từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến và không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy đời sống chung không còn hạnh phúc và không còn tình cảm với ông T nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thanh N (nam) sinh ngày 18/6/2005. Hiện nay cháu N đang sống chung với bà D. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn Trần Minh T trình bày tại biên bản lấy khai ngày 24/7/2019: Do tính tình không hợp, mâu thuẫn về tiền bạc nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Nay ông T cũng đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thanh N (nam) sinh ngày 18/6/2005. Sau khi ly hôn ông đồng ý để bà D nuôi con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con chung, vì ông đã già yếu không làm gì ra tiền.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông T có yêu cầu vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân giữa bà D và ông T có nhiều mâu thuẫn, bà D cho rằng vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, không còn liện lạc và tại phiên tòa bà D xác định không còn tình cảm với ông T nên kiên quyết ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông T. Về con chung, bà D và ông T có với nhau 01 con chung là Nguyễn Thanh N (nam) sinh ngày 18/6/2005. Cháu N đang sống với bà D và cháu N có nguyện vọng được ở cùng bà nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà D nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng

xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Minh T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T, do ông T có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống bà D cho rằng giữa bà và ông T tính tình không hợp, bất đồng ý kiến và đã ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2019 đến nay, bà D xin ly hôn với ông T cũng đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Minh T.

[4] Về con chung: Bà D và ông T đều thống nhất có 01 con chung Nguyễn Thanh N (nam) sinh ngày 18/6/2005. Bà D có yêu cầu nuôi con chung, ông T đồng ý, đồng thời cháu N cũng có nguyện vọng sống với bà D. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà D. Do bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T không phải cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông T khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Trần Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh N (nam) sinh ngày 18/6/2005 cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số 0018911 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà D đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
-UBND tt Rạch G;
- Lưu hồ sơ vụ án.